

2.2. Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình để làm cổ phiếu quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Hội đồng quản trị quyết định việc mua lại cổ phiếu quỹ, nếu số lượng mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã phát hành trong mỗi mười hai (12) tháng. Các trường hợp khác phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

b) Căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã kiểm toán hoặc soát xét, có đủ vốn để mua lại cổ phiếu quỹ từ thặng dư vốn cổ phần hoặc quỹ đầu tư phát triển hoặc lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc nguồn vốn chủ sở hữu khác được sử dụng để mua cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật;

c) Có phương án mua cổ phiếu quỹ đã được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua, trong đó nêu rõ lý do mua, phương thức mua, giá mua, đối tượng mua, tỷ lệ cổ phần mua so với vốn điều lệ, thủ tục và thời gian thực hiện giao dịch, thời gian thanh toán tiền cho cổ đông, thời gian nắm giữ dự kiến;

d) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi mua cổ phiếu quỹ đạt tối thiểu từ 180% trở lên và vốn chủ sở hữu sau khi mua cổ phiếu quỹ không thấp hơn vốn pháp định.

2.3. Công ty không được mua lại cổ phiếu quỹ trong các trường hợp sau:

a) Đang có nợ quá hạn căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã kiểm toán hoặc soát xét;

b) Đang trong quá trình chào bán cổ phiếu để huy động thêm vốn;

c) Cổ phiếu Công ty đang là đối tượng chào mua công khai;

d) Đã thực hiện việc mua cổ phiếu quỹ trong vòng sáu (06) tháng, trừ các trường hợp sau: mua lại cổ phiếu theo Điều 129 Luật doanh nghiệp, mua lại cổ phần lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu;

e) Mua cổ phiếu quỹ và bán cổ phiếu quỹ trong cùng một đợt;

f) Không đáp ứng quy định tại điểm d khoản 2.2 Điều này hoặc đang trong tình trạng cảnh báo theo quy định của pháp luật về các chỉ tiêu an toàn tài chính.

2.4. Trừ trường hợp việc mua lại được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của từng cổ đông hoặc trường hợp Công ty thực hiện chào mua công khai đối với cổ phiếu đã phát hành, Công ty không được mua cổ phiếu quỹ từ các đối tượng sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị Ban điều hành và người liên quan;

b) Người sở hữu cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

c) Cổ đông lớn theo quy định tại Luật chứng khoán.

2.5. Công ty được bán cổ phiếu quỹ khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Cổ phiếu quỹ chỉ được bán sau sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc đợt mua cổ phiếu quỹ gần nhất, trừ trường hợp cổ phiếu quỹ được bán hoặc dùng làm cổ phiếu thưởng cho người lao động trong Công ty;

b) Có quyết định của Hội đồng quản trị thông qua phương án bán, trong đó nêu rõ thời gian thực hiện, nguyên tắc xác định giá;

c) Trường hợp bán cổ phiếu quỹ theo hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng, Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về chào bán chứng khoán ra công chúng.

2.6. Việc sử dụng cổ phiếu quỹ để chia cho cổ đông hiện hữu, thưởng cho người lao động

phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Công ty bảo đảm có đủ nguồn vốn đối ứng từ nguồn vốn chủ sở hữu căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét từ các nguồn sau đây:

- a) Thặng dư vốn;
- b) Quỹ đầu tư phát triển;
- c) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối;
- d) Quỹ khác (nếu có) được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.

**Điều 12. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại**

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 11 Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 11 Điều lệ này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.
4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

**Điều 13. Thừa kế cổ phần**

Việc thừa kế cổ phần của Công ty được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 14. Phát hành trái phiếu**

1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Công ty không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

a) Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba năm liên tiếp trước đó;

b) Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành.

Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

3. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

**Điều 15. Cổ phiếu**

1. Tất cả cổ phiếu của Công ty đều có ghi tên. Cổ phiếu của Công ty phải có các nội dung chủ yếu sau:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty
- b. Số và ngày cấp giấy phép thành lập và hoạt động
- c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần
- d. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá cổ phần ghi trên mỗi cổ phiếu.
- e. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức;
- f. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần.
- g. Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.
- h. Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.

2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty.

3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.

Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:

a. Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy;

b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu Chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.

**Điều 16. Sổ đăng ký cổ đông**

1. Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy phép thành lập và hoạt động. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau :

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính Công ty.
- b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;

## Điều lệ CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

- e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty.

### Điều 17. Cổ đông

1. Cổ đông của Công ty là pháp nhân hay cá nhân, sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.
2. Cổ đông sáng lập công ty là các cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty.
3. Quyền chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập:  
Cổ đông sáng lập của công ty không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời hạn 3 năm, kể từ khi được cấp giấy phép thành lập và hoạt động, trừ trường hợp chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác trong Công ty. Trường hợp cổ đông sáng lập buộc phải thanh lý tài sản theo quyết định của tòa án hoặc của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, thì được chuyển nhượng cho cổ đông khác và cổ đông nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty.
4. Cơ cấu góp vốn của các cổ đông sáng lập:

STT	Tên, địa chỉ trụ sở chính, Số CNĐKKD (pháp nhân), địa chỉ hộ khẩu thường trú, Số CMTND hoặc hộ chiếu (cá nhân)	Số tiền góp vốn (VNĐ)	Tỷ lệ
1	<b>Phan Tuấn Sơn</b> CMND số 012891298 do CA TP.Hà Nội cấp ngày 16/06/2006 Nhà 2B, tập thể Nhà máy M1, thôn Phú Thứ, xã Tây Mỗ, huyện Từ Liêm, Hà Nội	3.500.000.000	14%
2	<b>Nguyễn Đức Tài</b> CNND số 013350487 do CA TP Hà Nội cấp ngày 02/12/2010 B3, Làng Quốc tế Thăng Long, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	3.000.000.000	12%
3	<b>Công ty TNHH Xúc tiến đầu tư và Thương mại Quốc tế</b> Giấy ĐKKD số 0102026456 do Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 15/05/2006 Phòng 1101, Nhà 17T9, Khu đô thị Trung Hoà Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	500.000.000	2%

### Điều 18. Quyền của cổ đông phổ thông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

## Điều lệ CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

- a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được Ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty;
- h) Các quyền khác theo quy định của điều lệ công ty.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau đây:

- a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (nếu có);
- b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
- c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;
- d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- e) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
- b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

4. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

#### **Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông**

1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Công ty.

3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

5. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với

Công ty.

**Điều 20. Trả cổ tức**

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông.

Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

2. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

**Điều 21. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức**

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 20 Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

### CHƯƠNG III CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

#### **Điều 22. Hình thức tổ chức của Công ty**

Công ty hoạt động theo hình thức công ty cổ phần. Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Tổng giám đốc;

#### **Điều 23. Tổng giám đốc**

Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị Công ty và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

#### **Điều 24. Quyền và nhiệm vụ của Tổng giám đốc**

1. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty.
3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.
4. Ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty.
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
6. Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
7. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức Công ty.
8. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Hội đồng quản trị.
9. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
10. Tuyển dụng lao động.
11. Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động mà Tổng giám đốc ký với Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 25. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc**

Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh

nghiệp theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;

b) Là cá nhân sở hữu ít nhất 5% vốn điều lệ của Công ty;

c) Không phải là người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

d) Đáp ứng được các điều kiện làm Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

**Điều 26. Thù lao, tiền lương và thưởng của người quản lý công ty**

1. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương và thưởng cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thù lao, tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

**Điều 27. Kiểm toán nội bộ**

Công ty thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ, trực thuộc hội đồng quản trị khi hoạt động kinh doanh của Công ty đòi hỏi việc này theo quy định của pháp luật hiện hành..

**Điều 28. Kiểm soát nội bộ**

1. Công ty phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với cơ cấu tổ chức của Công ty thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ trực thuộc ban điều hành và ban hành các quy định về kiểm soát nội bộ bao gồm chính sách, quy chế, quy trình nghiệp vụ và các quy định nội bộ khác. Bộ phận kiểm soát nội bộ có trách nhiệm:

a) Giám sát bảo đảm hoạt động của từng vị trí, bộ phận và Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, các chính sách, quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ của Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của nhân viên Công ty đối với các hoạt động đã được phân cấp, ủy quyền theo nguyên tắc:

- Cơ chế phân cấp, Ủy quyền phải rõ ràng, cụ thể, minh bạch, đảm bảo tách bạch nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân, các bộ phận trong Công ty. Quy trình nghiệp vụ phải bảo đảm tách biệt giữa các chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí, bộ phận từ hoạt động phân tích, thẩm định, chấp thuận hoặc phê duyệt hoặc quyết định thực hiện, tổ chức thực hiện, báo cáo và giám sát sau khi thực hiện;

- Một cá nhân không được đảm nhiệm nhiều vị trí, thực hiện các nhiệm vụ có mục đích, lợi ích mâu thuẫn hoặc chồng chéo; hoặc có thể độc lập thực hiện toàn bộ quy trình nghiệp vụ, từ hoạt động phân tích, thẩm định, quyết định, tổ chức thực hiện, báo cáo, giám sát, mà không cần tham vấn các bộ phận, cá nhân khác đối với cả hoạt động kinh doanh của Công ty và hoạt động quản lý tài sản khách hàng;

b) Tham gia xây dựng, giám sát việc tổ chức thực hiện các chính sách, quy chế, quy